

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11/7/2019

“Về việc xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Trĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thêm.

2. Ông Trần Xuân Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên** tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 11/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2019 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 36/HNGĐ - QĐXX ngày 19/6/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1972, có mặt.

Quê quán: Thôn A xã V huyện Đ tỉnh Hưng Yên.

HKTT: thôn Q xã D huyện K tỉnh Hưng Yên.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Quang T, sinh năm 1973, vắng mặt.

HKTT, trú tại: thôn Q xã D huyện K, Hưng Yên.

3. *Người làm chứng:*

3.1 Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1940, vắng mặt.

HKTT, trú tại: thôn Q xã D huyện K, Hưng Yên.

3.2 Bà Vương Thị M, sinh năm 1939, vắng mặt.

Trú tại: Thôn A xã V huyện Đ tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đoàn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị xây dựng gia đình với anh Đặng Quang T, sinh năm 1973, là người ở thôn Q xã D huyện K tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không bị ép buộc, anh, chị đã được UBND xã D huyện K tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 02/9/2003.

Sau khi kết hôn, chị chuyển khẩu và về chung sống với anh T tại thôn Q xã D huyện K tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống anh chị diễn ra bình thường, đến năm 2010, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không tìm được tiếng nói chung, anh T mãi chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, suốt ngày rượu chè say xỉn rồi chửi bới đánh đập chị, ngoài ra anh T ghay ghen tuông vô căn cứ. Chị đã nhiều lần khuyên giải và giải thích nhưng anh T không thay đổi mà còn đối xử tệ bạc với chị hơn, vì không thể chịu đựng nhiều lần chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, nhưng được hai bên gia đình động viên, nghĩ thương con ốm đau và anh T đến xin lỗi, chị lại quay về chung sống cùng anh T, tuy nhiên, khi quay về anh T vẫn không thay đổi, nhất là khi con của anh, chị mất năm 2014, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, đỉnh điểm đến đầu năm 2019 do không thể chịu đựng chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng chị ly thân kể từ đó đến nay, anh T có tìm gặp mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, nên chị không nhất trí quay về và cương quyết xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh T có một con riêng là cháu Đặng Thị L, cháu không ở cùng anh, chị. Còn vợ chồng anh, chị có một con chung là Đặng Quang S, sinh năm 2005, nhưng do ốm đau đã mất năm 2014. Ngoài ra anh chị không còn con chung, con riêng nào khác.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp chung với hai bên gia đình, về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: Chị không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2019, bị đơn anh Đặng Quang T trình bày: Quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị H đã trình bày. Về diễn biến và nguyên nhân mâu thuẫn, anh T cho rằng kể từ 03 năm trở lại đây vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nhất là khi con chung của anh, chị mất, cùng với áp lực cuộc sống nên anh có rượu chè và có những lời nói, hành xử không đúng với chị H, ngoài ra anh còn nghi ngờ chị H không chung thủy dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Do cuộc sống căng thẳng nên chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã ly thân, anh có tìm gặp mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị H không quay về. Nay chị H xin ly hôn, xét thấy còn tình cảm, anh có nguyện vọng đoàn tụ và mong Tòa án tạo điều kiện H giải, trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đồng thời anh từ chối đến Tòa án làm việc.

Về con chung: Anh có một con riêng là cháu Đặng Thị L, cháu không ở cùng anh, chị. Vợ chồng anh, chị có một con chung là Đặng Quang S, sinh năm 2005, nhưng do ốm đau đã mất năm 2014. Ngoài ra anh chị không còn con chung, con riêng nào khác.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp chung với hai bên gia đình, về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: Anh không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2019, người làm chứng bà Vương Thị M trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Đoàn Thị H, hiện đang trú tại thôn A xã V huyện Đ tỉnh Hưng Yên. Quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, diễn biến và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị H đã trình bày. Theo ý kiến của bà M do anh T mãi chơi, rượu chè, ghen tuông, chị H khuyên giải nhưng anh T còn đánh đập,

chửi bới chị H, chị H nhiều lần bỏ về nhà bà sinh sống nhưng sau đó được gia đình động viên và anh T đến đón chị H lại quay về chung sống cùng anh T, tuy nhiên, khi về anh T không thay đổi nên đầu năm 2019, chị H bỏ hẳn về nhà bà sinh sống, từ đó đến nay anh, chị sống ly thân, nay chị H xin ly hôn, là một người mẹ bà không mong muốn mà tùy chị H và pháp luật quyết định. Ngoài ra bà M còn có một số quan điểm về con chung và các vấn đề liên quan.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2019, người làm chứng bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là mẹ đẻ anh Đặng Quang T, hiện đang trú tại thôn Q xã D. Quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của chị H, sau khi cưới, chị H và anh T ở riêng nhưng cũng gần ngay gia đình bà. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng có cãi nhau, nhất là sau khi con chung của anh chị mất, anh T thỉnh thoảng có uống rượu và có những lời nói và hành động không phải với chị H, cuộc sống của anh chị gặp nhiều khó khăn. Nay chị H xin ly hôn, là người mẹ bà không mong muốn mà mong H giải để vợ chồng anh chị đoàn tụ.

Quá trình Tòa án giải quyết, bà có nhận được văn bản triệu tập và thông báo anh T đến Tòa án giải quyết, bà đã giao lại hoặc thông báo cho anh T nhưng anh T nói sẽ không đến Tòa án làm việc vì bận công việc.

Qua xác minh tại UBND xã D xác định: năm 2003, chị Đoàn Thị H kết hôn cùng anh Đặng Quang T trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã D vào ngày 02/9/2003, sau khi cưới, chị H chuyển khẩu và về chung sống với anh T tại thôn Q xã D. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, hiện nay anh, chị đã sống ly thân. Vợ chồng anh, chị có một con chung là cháu Đặng Quang S, sinh năm 2005 nhưng đã mất năm 2014, anh chị không còn con chung nào khác. Trước khi kết hôn với chị H, anh T có vợ và một con riêng là cháu Đặng Thị L nhưng cháu L không ở cùng anh T, chị H. Ngoài ra UBND xã D còn có một số ý kiến về tài sản, công nợ, công sức đóng góp chung và về đất nông nghiệp 03, đồng thời UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Mặc dù Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu đã nhiều lần báo triệu tập đến tham gia giải quyết vụ án và đã hai lần thông báo và báo triệu tập anh T đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh Đặng Quang T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Đoàn Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu xin ly hôn và các quan hệ liên quan như đã khai tại Tòa án trước đây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn vắng mặt không tuân theo quy định của pháp luật.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1

Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị H, anh T đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 02/5/2019, chị Đoàn Thị H có đơn khởi kiện anh Đặng Quang T xin được ly hôn và giải quyết các vấn đề có liên quan, anh Đặng Quang T có hộ khẩu thường trú, trú tại thôn Q xã D huyện K tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, vì vậy, căn cứ khoản 1 điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đoàn Thị H và anh Đặng Quang T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh chị đã được UBND xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 02/9/2003. Do đó đã xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc, sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau, cuộc sống hạnh phúc gia đình đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cho chị H được ly hôn với anh T để hai bên sớm tạo lập cuộc sống mới.

3. *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:* Do chị H không yêu cầu và anh T vắng mặt, chưa có ý kiến và yêu cầu phân chia nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi nào anh, chị có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

4. *Về án phí:* Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Tòa án.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Đoàn Thị H được ly hôn anh Đặng Quang T.

2. *Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Không đặt ra giải quyết. Khi nào chị Đoàn Thị H, anh Đặng Quang T có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

4. *Về án phí*: Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo Biên lai số 0001194 ngày 07/5/21019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã thi hành xong phần án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/7/2019). Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã D; V
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Trĩnh